

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/DS-ST
Ngày: 12-8-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU - TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Dũng
2. Ông Nguyễn Đắc Liệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 498/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 60/17, Lê Thánh Tông, phường TN, thành phố V, tỉnh B;

Địa chỉ mới: Số 95/12 Võ Văn Tần, phường TN, thành phố V, tỉnh B, vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vũ Thị Phương T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 37/3 Lê Phụng Hiểu, phường 8, thành phố V, tỉnh B (văn bản ủy quyền ngày 23-3-2020), có mặt;

2. Bị đơn: Bà Lưu Hải P, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 80 Võ Văn Tần, phường TN, thành phố V, tỉnh B, vắng mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Quang V, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số 60/17, Lê Thánh Tông, phường TN, thành phố V, tỉnh B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-10-2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 27-2-2017, bà Trịnh Thị N có cho bà Lưu Hải P vay số tiền 550.000.000đ, mục đích vay để bà P kinh doanh bất động sản, do bà P nói vay tạm khi nào cần thì báo trước 1 tháng nên không thỏa thuận thời hạn trả, không thế chấp tài sản, không tính lãi suất, có lập 1 giấy biên nhận viết tay do chính bà P viết ký tên. Sau khi vay khi bà N cần tiền đã nhiều lần liên hệ thông qua điện thoại và trực tiếp đến nhà bà P để yêu cầu bà P trả nợ nhưng không gặp và không thể liên lạc được với bà P. Bà P có chồng là ông Nguyễn Văn M hiện cùng địa chỉ với bà P, vì tin tưởng không yêu cầu chồng bà P cùng ký nhận nợ nên bà N xác định nợ cá nhân bà P đề nghị Tòa án không triệu tập chồng bà P tham gia tố tụng. Nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà P trả lại cho bà N tổng số tiền là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng) và tự nguyện không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không cung cấp chứng cứ. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn, xác định bà P có đăng ký tạm trú tại số 80 Võ Văn Tần, phường TN, thành phố V, tỉnh B. Tuy nhiên từ tháng 4-2019 bà P đi đâu không rõ. Mặt khác người nhà bà P từ chối nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt, vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà P bằng thủ tục niêm yết.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Quang Vi trình bày:

Ông V là chồng của bà N, vợ chồng có số vốn chung 550.000.000 đồng, năm 2017 bà Lưu Hải P mua đất làm nhà, khi nào bán được nhà sẽ trả, nhưng đến nay bà P không trả. Ông V thống nhất với ý kiến của bà N và không có đơn yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu:

Tòa án thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và tiến hành các thủ tục tổng đạt đối với bị đơn bà Lưu Hải P nhưng bà P vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà P là đúng quy

định. Tuy nhiên về thời hạn giải quyết chậm chưa đúng quy định nên đề nghị Thẩm phán cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp và kết quả trưng cầu giám định, Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai, do đó HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 27-02-2017, bà Trịnh Thị N có cho bà Lưu Hải P vay số tiền 550.000.000đ, không thỏa thuận thời hạn trả, không thế chấp tài sản, không tính lãi suất, có lập 1 giấy biên nhận viết tay do chính bà P viết và ký tên. Xét thấy, khi tham gia giao dịch, các đương sự đều là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi, mặc dù giấy biên nhận vay tiền do các bên tự ký tên không có công chứng chứng thực, nhưng việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện, nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bà P không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xem như từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác để có căn cứ giải quyết vụ kiện và theo đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết ngày 28-4-2020 của nguyên đơn. Ngày 01-6-2020 Tòa án ban hành Quyết định Trưng cầu giám định số 05/2020/QĐ-TCGD để trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giám định chữ viết, chữ ký của bà P trên giấy biên nhận vay tiền. Theo kết luận Giám định số 520/PC09-D92 ngày 12-6-2020 Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận chữ viết, chữ ký mang tên Lưu Hải P trên giấy biên nhận tiền ngày 27-02-2017 do nguyên đơn cung cấp và chữ ký trên mẫu so sánh là 2 hợp đồng vay tiền lập ngày 04-12-2017 và ngày 17-4-2019 mang tên Lưu Thị Hải P là do một người cùng ký, viết ra. Như vậy, căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp và kết luận giám định có đủ cơ sở để xác định bà Lưu Hải P (Lưu

Thị Hải P) có vay của bà N số tiền 550.000.000đ và đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét việc bà N yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và không yêu cầu tính lãi là tự nguyện được Hội đồng xét xử chấp nhận, do số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng bà N, ông Vi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán nợ cho cả hai vợ chồng bà N, ông Vi. Đối với ông Nguyễn Văn M là chồng của bị đơn, phía nguyên đơn không có chứng cứ, chứng minh ông M có ký nhận nợ và sử dụng vốn vay nên không yêu cầu ông M liên đới chịu trách nhiệm cùng với bà P thanh toán nợ là phù hợp pháp luật nên công nhận.

[4] Về chi phí trưng cầu giám định hết 3.000.000đ (ba triệu đồng), bị đơn phải nộp do nguyên đơn đã tạm ứng nên bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 2, 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463, , 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị N đối với bà Lưu Hải P (Lưu Thị Hải P).

2. Buộc bà Lưu Hải P (Lưu Thị Hải P) phải trả cho bà Trịnh Thị N, ông Vũ Quang V số tiền 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng). Ghi nhận tự nguyện của bà Trịnh Thị N, ông Vũ Quang V về việc không yêu cầu tính lãi trên số tiền 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về chi phí trưng cầu giám định hết 3.000.000đ (ba triệu đồng), bà Lưu Hải P (Lưu Thị Hải P) phải nộp, do bà Trịnh Thị N đã tạm ứng nên bà Lưu Hải P (Lưu Thị Hải P) có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị N số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lưu Hải P (Lưu Thị Hải P) phải chịu 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trịnh Thị N không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả cho bà Trịnh Thị N số tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002980 ngày 06-12-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt hoặc có người đại diện hợp pháp có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THA DS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Yến Oanh